

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Quốc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Văn Hoa Vinh;

Bà Lý Thị Mỹ Diệu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 10, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Phương B, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 10, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 7 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Chị và anh Trần Phương B sống chung với nhau năm 2007, không có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vấn đề tài chính nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng hiện nay còn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm nhau, không

thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận giữa chị và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung tên Lê Thị Thúy An, sinh ngày 06-7-2008, hiện nay cháu An đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu An, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh Trần Phương B có ý kiến như sau:*

Anh và chị Lê Thị H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân như chị H trình bày. Nay anh đồng ý yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận giữa anh và chị H là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung họ tên, sinh tháng năm ngày như chị H trình bày, hiện nay cháu An đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu An cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc quyết vụ án: Xét thấy, chị H và anh B sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị H và anh Trần Phương B.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thúy An, sinh ngày 06-7-2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh B phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H và anh Trần Phương B vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Phương B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị H và anh Trần Phương B là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H, anh B thừa nhận anh, chị có 01 con chung tên Lê Thị Thúy An, sinh ngày 06-7-2008 và tự nguyện thỏa thuận giao cháu An cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh B có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị H và anh Trần Phương B là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thúy An, sinh ngày 06-7-2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh B có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con cùng chị.

Anh Trần Phương B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007452 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H và anh Trần Phương B có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**6.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Quốc**